

Name: _____

Date: ... / ... / 20...

Class: S2

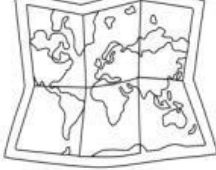
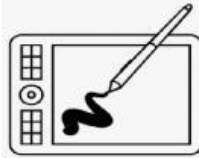
Tel: 034 200 9294

GLOBAL ENGLISH 2

Unit 1: A day at school – Vocabulary 1 and Starters speaking

A. Vocabulary.

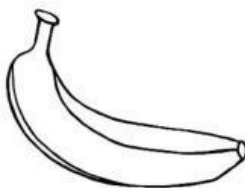
❖ Classroom objects (Vật dụng trong lớp học)

 book (n) quyển sách	 map (n) bản đồ	 calendar(n) lịch	 clock (n) đồng hồ (để bàn, treo tường)
 tablet (n) máy tính bảng	 crayon (n) bút sáp màu	 marker (n) bút dạ	 paint (n) sơn

B. Homework.

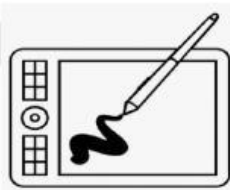
I. Fill in the blank to complete the words. (Con điền từ thích hợp vào chỗ trống để tạo thành từ hoàn chỉnh)

0.



banana

1.



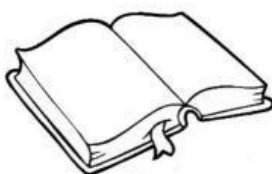
t _ bl _ t

2.



p _ _ nt

3.



b _ _ k

4.



c _ l _ nd _ r

5.



m _ rk _ r

II. Read the statements. Circle Yes or No. (Con đọc câu và khoanh tròn Yes hoặc No)



Yes

No

0. It is a hospital.



Yes

No

3. It is a crayon.



Yes

No

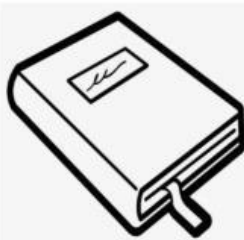
1. It is a clock.



Yes

No

4. It is a tablet.



Yes

No

2. It is a book.



Yes

No

5. It is a calendar.

III. Match the word with the correct picture. (Con nối từ với hình thích hợp)

0. tree



1. paint



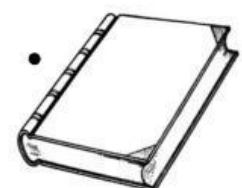
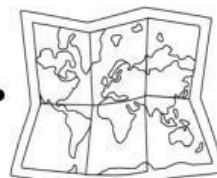
2. book



3. map



4. crayon



5. clock



Con nghe bài theo link sau:

https://drive.google.com/file/d/1HiFBwwxrPOSMPLZDO1CdkjVJEE_M39f/view?usp=drive_link

Link dự phòng: <https://www.youtube.com/watch?v=fw4MFJLbzXA>

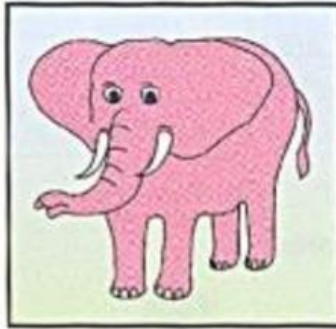
Starters 5 – T1 – P3

Listen and tick (✓) the box. There is one example.

What's in Sue's box?



A ☐

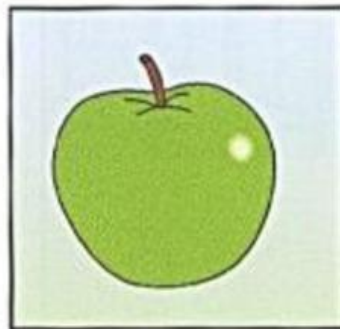


B ☐

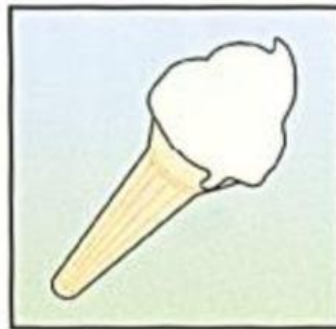


C ☒

1 What can Nick have?



A ☐



B ☐



C ☐

2 Which man is Ann's teacher?



A ☐



B ☐



C ☐

3 Where's Mum?



A ☐

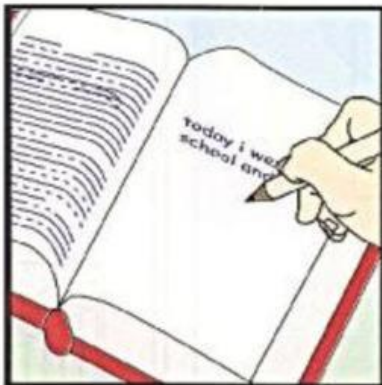


B ☐

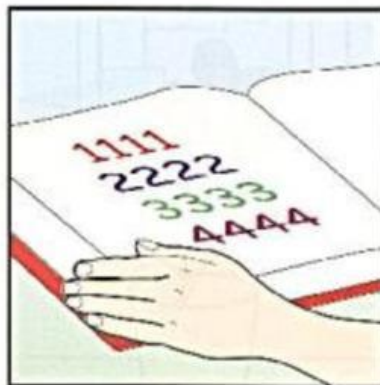


C ☐

4 What's Ben's brother doing?



A ☐



B ☐



C ☐

5 What's Tom's favourite sport?



A ☐



B ☐



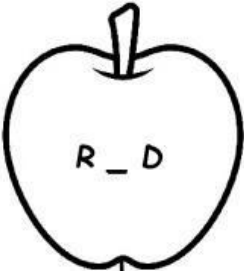
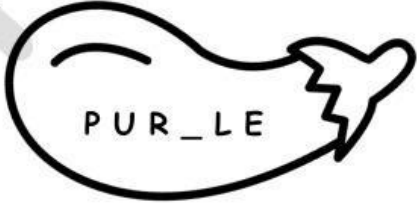
C ☐

MINI TEST

I. Circle the correct answer. (Con khoanh tròn câu đúng)

- | | | |
|---------------------------------|---------------------------------------|--------|
| 0. ____ am a girl. | ☒ A. I | B. My |
| 1. This is ____ dog. | A. her | B. she |
| 2. ____ name is Alan. | A. He | B. His |
| 3. What is ____ favorite color? | A. your | B. you |
| 4. ____ cat is small. | A. I | B. My |
| 5. ____ eyes are big. | A. She | B. Her |

II. Match the correct letter. (Con nối với chữ cái thích hợp)

0.	1.	2.
		
		
		
3.	4.	5.
